

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v: “L hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Hiệp
2. Ông Lương Văn Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc “L hôn, tranh chấp nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L , sinh năm: 1986 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 51, ấp Bình A 1, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1976 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 51, ấp Bình A 1, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 15/7/2019, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông H tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2004 tại UBND xã An H huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Vợ chồng sau khi cưới về nhà cha mẹ ruột ông H sống. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2013 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do ông H thường xuyên có rượu, bà nhiều lần khuyên thì ông H kiểm chuyện đánh đập bà. Bà cố gắng chịu đựng chung sống với ông H vì các con. Đến năm 2014 bà đã bỏ nhà đi Bình Dương làm công nhân để có tiền lo cho các con. Cũng từ năm 2014 cho đến nay, giữa bà và ông H L thân nhau. Trong thời gian L thân không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu L hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Mỹ D , sinh ngày 01/02/2006 và cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 19/5/2008. Hiện các con chung đang sống với bà. Sau khi L hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Bị đơn ông Nguyễn Minh H*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trúc L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Trúc L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Th, An Giang giải quyết về L hôn, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Biên bản xác minh về nơi cư trú của đương sự tại Công an xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 16/8/2019; Đồng thời tại hồ sơ sổ hộ khẩu số 3869/AH đều thể hiện bị đơn ông H có nơi cư trú tại ấp Bình A 1, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang và hiện có mặt tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các thông báo văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ông H không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, ông H không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phương.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Minh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 171 ngày 30/11/2004. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải; Thông báo phiên đối chất để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà được đoàn tụ; Tuy nhiên, bà Trúc L vẫn giữ yêu cầu L hôn; Ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Trúc L; Điều này, thể hiện ông H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, Tòa án tiến hành thu thập, xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà của Tòa án cụ thể: Biên bản không tiến hành lấy lời khai ông H được ngày 16/8/2019; Ban hành thông báo về việc tham khảo ý kiến của UBND cấp xã nơi vợ chồng chung sống, nơi con chưa thành niên cư trú nhằm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà L. Ngày 30/9/2019 UBND xã An H có phúc đáp thông báo của Tòa án với nội dung: “UBND xã không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà L, ông H. Đồng thời, giữa bà Trúc L và ông H L thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Trong khoảng thời gian L thân, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Như vậy cả bà Trúc L và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014. Do đó, yêu cầu của bà Trúc L có căn cứ nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Bà Trúc L và ông H có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Mỹ D ,sinh ngày 01/02/2006 và cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 19/5/2008. Hiện các con chung đang do bà Trúc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Khi L hôn bà Trúc L yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung. Yêu cầu này phù hợp với văn bản trình bày ý kiến của cháu Mỹ D và cháu Minh Th: Cả hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ; Do đó, yêu cầu của bà Trúc L phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật nhân gia đình năm 2014 nên được HĐXX xem xét chấp nhận. Đồng thời, bà Trúc L phải tạo điều kiện cho ông H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung, không ai được cản trở. Ông H không cấp dưỡng nuôi các con chung, do bà Trúc L không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trúc L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà Trúc L và ông H có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L. Bà Nguyễn Thị Trúc L được L hôn với ông Nguyễn Minh H .

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 171/AH ngày 30/11/2004 của UBND xã An H, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cháu Nguyễn Thị Mỹ D , sinh ngày 01/02/2006 và cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 19/5/2008

Ông Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do bà bà Nguyễn Thị Trúc L không yêu cầu.

Đồng thời bà Trúc L phải tạo điều kiện cho ông H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở .

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014382 ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Trúc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2019). Ông Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang